|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN GIÁM SÁT** **TÀI CHÍNH QUỐC GIA**Số: /BC-UBGSTCQG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

*(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 6/2016)*

* ***Kinh tế thế giới***
* *Việc người dân Anh chọn rời Liên minh Châu Âu (Brexit) ngày 23/6/2016 đã ngay lập tức gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường tài chính thế giới: thị trường chứng khoán toàn cầu giảm trên 5%; đồng Bảng Anh và đồng Euro liên tục mất giá; giá dầu và giá hàng hóa nguyên liệu giảm mạnh trong khi giá vàng liên tục tăng.*
* ***Kinh tế Việt Nam***
* ***Về tăng trưởng kinh tế:***
* *Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2016 tiếp tục tăng thấp hơn so với cùng kỳ 2015. Nguyên nhân chủ yếu do sự suy giảm tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và lĩnh vực khai khoáng, cũng như tổng cầu có mức độ cải thiện thấp.*
* *Phân rã tăng trưởng cho thấy xu thế tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam vẫn đang duy trì được xu hướng tăng tích cực. Song, tăng trưởng trong ngắn hạn đang suy giảm do chịu tác động của các yếu tố chu kỳ kinh tế và các cú sốc về tổng cung. Do đó, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,7% trong năm 2016 sẽ cần những nỗ lực, quyết tâm lớn.*
* ***Về ổn định kinh tế vĩ mô:***
* *CPI tăng trong 6 tháng đầu năm chủ yếu do tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục (đóng góp 46% vào mức tăng CPI kể từ đầu năm). Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn duy trì ổn định ở mức dưới 2% trong 6 tháng đầu năm.*
* *Nếu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 chỉ đạt 6,5% GDP, tỷ lệ bội chi NSNN/GDP có khả năng sẽ vượt dự toán khoảng 0,5 điểm %.*
1. **KINH TẾ THẾ GIỚI**
2. **Brexit**

**Việc người dân Anh chọn rời Liên minh Châu Âu (Brexit) ngày 23/6/2016 đã ngay lập tức gây ảnh hưởng đến thị trường tài chính thế giới**

***Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm 5% (tương đương 2.080 tỷ USD)[[1]](#footnote-1) vào ngày 24/6/2016.*** Các thị trường chứng khoán châu Âu bị ảnh hưởng nhiều nhất khi một số thị trường lớn đã có mức giảm lớn nhất trong lịch sử[[2]](#footnote-2). Thị trường chứng khoán Mỹ, Châu Á, Úc và New Zealand giảm sút, thị trường chứng khoán Tokyo phục hồi chút ít sau khi Thủ tướng Nhật tuyên bố trấn an thị trường. Cổ phiếu một số ngân hàng Anh sụt giảm mạnh từ 15-19%.

***Đồng Bảng*** giảm 8,1% vào ngày 24/6, và giảm tiếp 3,3% vào ngày giao dịch kế tiếp xuống mức 1,3214 USD/bảng. Đồng EUR giảm 0,8% so với đồng USD, trong khi Đồng yên tăng thêm 0,2% (sau khi tăng 3,7% ngày 24/6). Các thị trường mới nổi đặc biệt ở khu vực Châu Á cũng bị tác động mạnh do lo ngại biến động thị trường tài chính, tiền tệ Châu Âu, Mỹ và lo ngại các ngân hàng lớn, các quỹ đầu tư lớn rút vốn.

***Giá hàng hóa*** biến động trái chiều khi giá dầu tụt xuống 47 USD/thùng và giá hàng hóa nguyên liệu giảm mạnh. Trong khi giá vàng tăng 0,9%, đánh dấu mức giá đóng cửa cao nhất kể từ tháng 7/2014.

***Trước biến động của thị trường tài chính thế giới, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương (NHTW) các nước đã có phản ứng để ứng phó***: NHTW Trung Quốc giảm tỷ giá tham chiếu đồng NDT 0,9% (6,6375NDT/USD); Chính Phủ Nhật tuyên bố sẵn sàng can thiệp thị trường, hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng; Chủ tịch Fed bày tỏ lo ngại đối với kinh tế toàn cầu; IMF kêu gọi các nước phối hợp hành động để đảm bảo thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

1. **Chính sách kinh tế**

***Ngân hàng Thế giới (WB) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016.*** Theo đó, ngày 7/6/2016, WB hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 2,4% từ mức 2,9% đưa ra vào tháng 1/2016. Nguyên nhân do các nền kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng chậm,thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn luân chuyển đầu tư giảm mạnh.

***Fed chưa tăng lãi suất vào tháng 6 và có thể lùi đến tháng 9 do nền kinh tế Mỹ tăng trưởng chưa ổn định.*** Sự sụt giảm mạnh của thị trường việc làm Mỹ trong tháng 5 đã tác động đến triển vọng kinh tế nước này khi số lượng việc làm mới trong tháng 5 ở mức thấp nhất trong hơn 5 năm qua.

***Trung Quốc, kinh tế có một số chuyển biến tích cực.*** Xuất khẩu trong tháng 5 tăng nhờ đồng nhân dân tệ giảm giá, trong khi nhập khẩu tăng nhẹ cho thấy nhu cầu nội địa đang được cải thiện. Ngân hàng trung ương Trung Quốc vẫn đang duy trì lãi suất ở mức thấp kỷ lục kể từ tháng 10/2015 nhằm kích thích tăng trưởng trong ngắn hạn.

1. **Giá hàng hóa**

***Giá dầu tháng 6 biến động trái chiều trước và sau Brexit***. Trước Brexit, giá dầu đã có dấu hiệu phục hồi. Giá dầu thô đã tăng lên mức cao nhất kể từ đầu năm 2016, lên mức trên 51 đô/thùng trong tháng 6. Tuy nhiên sau Brexit, giá dầu giảm khá mạnh xuống mức 46,33 USD/thùng trên thị trường New York.

***Giá hàng hóa*** thế giới vẫn tiếp tục tăng giá. Duy trì đà tăng mạnh nhất vẫn là giá năng lượng (tăng 10,74%), tiếp đến lần lượt là lương thực (4,51%); nông sản (2.37%); nguyên liệu thô (0,48%). Riêng giá kim loại đột ngột giảm mạnh sau 3 tháng tăng liên tiếp và giảm ở mức -3,23% so với tháng trước.

**Bảng giá hàng hóa**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|   | **Năng lượng** | **Nông sản** | **Lương thực** | **Nguyên liệu thô** | **Kim loại** |
| Tốc độ tăng, giảm %  |
| So với tháng trước  | So với cùng kỳ | So với tháng trước  | So với cùng kỳ | So với tháng trước  | So với cùng kỳ | So với tháng trước  | So với cùng kỳ | So với tháng trước  | So với cùng kỳ |
| **T1/2016** | -15,34 | -35,78 | -2,2 | -11,81 | -0,94 | -13,9 | -2,19 | -6,07 | -2,04 | -25,18 |
| **T2/2016** | 1,83 | -41,46 | 1,08 | -9,6 | 1,61 | -10,44 | 1,03 | -6,85 | 4,47 | -20,3 |
| **T3/2016** | 14,86 | -30,63 | 2,2 | -4,95 | 2,12 | -6,05 | 1,24 | -4,14 | 6,01 | -14,77 |
| **T4/2016** | 8,09 | -29,1 | 2,74 | -2,05 | 2,91 | -2,33 | 3,33 | -1,05 | 1,36 | -14,01 |
| **T5/2016** | 10,74 | -27,11 | 3,27 | 1,57 | 4,51 | 4,32 | 0,48 | -3,28 | -3,23 | -19,57 |

**Dự báo giá hàng hóa 2016**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lượng** | **Nông sản** | **Lương thực** | **Nguyên liệu thô** | **Kim loại** |
| Index | Tăng, giảm % so với 2015 | Index | Tăng, giảm % so với 2015 | Index | Tăng, giảm % so với 2015 | Index | Tăng, giảm % so với 2015 | Index | Tăng, giảm % so với 2015 |
| 52,4 | -19,3 | 86,2 | -3,5 | 87,8 | -3,4 | 80,8 | -2,9 | 61,4 | -8,2 |

*Nguồn: WB*

**I. KINH TẾ VIỆT NAM**

**1. Về tăng trưởng kinh tế**

**Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2016 tiếp tục tăng thấp hơn so với cùng kỳ 2015**(6T/2016: 5,52%; 6T/2015: 6,28%)

***- Nguyên nhân GDP tăng thấp chủ yếu do sự suy giảm tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và khai khoáng***. Cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Trong khi vốn đầu tư toàn xã hội vẫn đảm bảo 32,9% GDP trong 6 tháng/2016 (cùng kì 2015 là 31,1% GDP), ***tăng trưởng GDP chậm chủ yếu do suy giảm tăng trưởng của nông nghiệp và khai khoáng***. Sáu tháng đầu năm 2016, nông nghiệp tăng trưởng -0,18% (cùng kì 2015 là 2,36%) và khai khoáng tăng trưởng -2,2% (cùng kì 2015 là 8,18%).Suy giảm tăng trưởng của hai khu vực này khiến cho tăng trưởng GDP 6 tháng/2016 *giảm 0,8 điểm %* so với mức tăng trưởng của cùng kì 2015 (nông nghiệp làm giảm 0,35 điểm %, khai khoáng làm giảm 0,45 điểm %). Nông nghiệp suy giảm tăng trưởng do xâm nhập mặn, hạn hán, thiên tai. Trong khi, khai khoáng suy giảm tăng trưởng chủ yếu do sản lượng khai thác dầu thô 6 tháng/2016 giảm 6,1% so cùng kì năm trước (cùng kì 2015 tăng 11%).
2. Do sự suy giảm của nông nghiệp và khai thác dầu, ***lượng hàng xuất khẩu (kim ngạch xuất khẩu loại trừ yếu tố giá) 6 tháng/2016 chỉ tăng 10,1%*** so cùng kì năm trước (cùng kì 2015 tăng 13,4%).
 | **Tốc độ tăng GDP theo ngành, 6 tháng các năm 2012-2016 (% so với cùng kỳ)***Nguồn: TCTK***Chỉ số IIP các tháng đầu năm 2015 và 2016 (%, so cùng kỳ)***Nguồn: TCTK* |

***- Tổng cầu cải thiện ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.*** Biểu hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| (i) Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 6T/2016 (loại trừ yếu tố giá) tăng 7,5% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 8,3% của cùng kỳ năm 2015.(ii) *Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa nửa đầu năm 2016 chưa có sự cải thiện mạnh mẽ*. Trong 6 tháng đầu năm 2016, kim ngạch xuất khẩu tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng/2015 tăng 9,3%) [[3]](#footnote-3); kim ngạch nhập khẩu giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng/2015 tăng 17,7%)[[4]](#footnote-4). *Giá trị nhập khẩu hàng hóa giảm không chỉ do giá hàng hóa thế giới giảm (giá nhập khẩu giảm 7,8%) mà còn do lượng nhập khẩu tăng chậm lại , chỉ tăng 7,9% so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2015 tăng 22,1%)*Tính toán chỉ số dẫn báo tổng hợp (LEI) của UBGSTCQG và các chỉ số thành phần cho thấy: chỉ số nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đang có xu hướng hồi phục trong những tháng gần đây, báo hiệu lĩnh vực sản xuất dệt may, giày dép có thể sẽ có những chuyển biến tốt hơn trong thời gian tới. Tuy nhiên chỉ số nhập khẩu máy móc thiết bị không cải thiện trong những tháng qua chỉ ra rằng lĩnh vực sản xuất công nghiệp sẽ chưa có sự cải thiện mạnh hơn trong quý 3 năm 2016.  | **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ các 6 tháng các năm, loại trừ yếu tố giá, 2011- 2016 (%, so cùng kỳ)***Nguồn: TCTK***Cán cân thương mại của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2016, triệu USD[[5]](#footnote-5)***Nguồn: TCTK***Chỉ số nhập khẩu NPL dệt, may, giày dép** *(100 = Khả năng sản xuất dài hạn)**Nguồn: UBGSTCQG***Chỉ số nhập khẩu máy móc thiết bị** *(100 = Khả năng sản xuất dài hạn)**Nguồn: UBGSTCQG* |

* ***Phân rã tăng trưởng cho thấy xu thế dài hạn của tăng trưởng (tiềm năng tăng trưởng) đang tiếp tục duy trì được xu hướng tăng****.*

**Phân rã tăng trưởng, Q1/2005-Q2/2016 (%, so cùng kỳ)**

***Song, tăng trưởng ngắn hạn (chu kỳ kinh tế) vẫn đang trong giai đoạn suy giảm kể từ Q3/2015 và chưa có dấu hiệu thoát đáy chu kỳ trong năm 2016.***

**Chu kỳ kinh tế của Việt Nam, Th1/2000 – Th6/2016**



*Nguồn: Tính toán của UBGSTCQG dựa trên phần mềm của OECD. Chú thích: Tăng trưởng GDP theo quý được loại bỏ yếu tố mùa vụ, xu thế dài hạn và chuyển theo tháng bằng phương pháp nội suy tuyến tính.*

Kết hợp các yếu tố trên cho thấy xu thế tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam vẫn đang duy trì được xu hướng tăng tích cực nhờ vào những nỗ lực cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Song, tăng trưởng trong ngắn hạn đang suy giảm chủ yếu do chịu tác động của các yếu tố chu kỳ kinh tế và suy giảm về tổng cung (do hạn hán, thiên tai và giá dầu thế giới giảm). Do đó, *để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,7% trong năm 2016 cần có biện pháp hỗ trợ về tổng cầu để bù đắp sự suy giảm của tổng cung, nhất là việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư phát triển, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng 16-18% và mở rộng thị trường hàng xuất khẩu.*

1. ***Về tình hình doanh nghiệp***

 ***Doanh nghiệp vẫn tiếp tục khó khăn.*** Trong 6 tháng/2016, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2015 giảm 0,9%). Theo tính toán của UBGSTCQG,[[6]](#footnote-6) hiệu quả sinh lời và lợi nhuận của khối doanh nghiệp phi tài chính đang có xu hướng giảm do các loại phí (chi phí tài chính, chi phí sản xuất, các loại thuế và phí...) tăng lên nhanh chóng.

|  |  |
| --- | --- |
| Trong Q1/2016 ROA, ROE của khu vực lần lượt ở mức 1,16% và 2,66% giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước (Q1/2015 ROA, ROE lần lượt là 3,22% và 1,3%). Tăng trưởng doanh thu bình quân và tổng tài sản bình quân của khu vực trong Q1/2016 lần lượt ở mức -6,4% và 11,94% thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2015 (Q1/2015 tăng trưởng doanh thu bình quân, tổng tài sản bình quân lần lượt là 49,29% và 86,31%). | **Hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp phi tài chính[[7]](#footnote-7) Q1/2008-Q1/2016***Nguồn: Stoxplus và tính toán của UBGSTCQG*  |

1. ***Về lạm phát***

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục tăng kể từ tháng 11/2015. Tính đến tháng 6/2016, CPI tổng thể tăng 2,4% so với cùng kỳ và tăng 2,35% so với đầu năm.Nguyên nhân tăng lạm phát chủ yếu do tăng giá một số nhóm hàng như: dịch vụ y tế (tăng 23,15% so với đầu năm); giáo dục (tăng 4,47% so với đầu năm). Tính chung, trong 6 tháng đầu năm, 2 nhóm này góp phần làm cho CPI 6 tháng đầu năm tăng khoảng 1,08% so với đầu năm, đóng góp 46% vào tổng mức tăng kể từ đầu năm. Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn duy trì ổn định ở mức dưới 2% từ đầu năm đến nay.  | **Lạm phát và lạm phát cơ bản (%, tháng so với cùng kỳ)***Nguồn: TCTK* |

 Phân rã lạm phát cho thấy, thành phần lạm phát có tính chu kỳ đã có 6 tháng tăng liên tục (kể từ tháng 12/2015). Điều này cho thấy chu kỳ tăng giá (dịch vụ y tế, giáo dục, thực phẩm) của Q1/2016 vẫn đang gây tác động kéo dài sang Q2/2016. Song, nhờ các yếu tố cơ bản thuận lợi (giá hàng hóa thế giới thấp, tổng cầu tăng chậm...) thành phần lạm phát dài hạn vẫn duy trì được xu thế thấp ổn định. Tổng hợp các yếu tố đó, UBGSTCQG dự báo lạm phát cả năm 2016 sẽ tăng cao hơn so với năm 2015, nhưng sẽ chỉ ở mức 4% - 4,5%.

**Phân rã lạm phát (%, tháng so với cùng kỳ)**

*Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG*

1. **Về cân đối NSNN**

|  |  |
| --- | --- |
| **-** Thu NSNN nửa đầu năm 2016[[8]](#footnote-8) khó khăn hơn so với cùng kỳ năm trước do: (i) tốc độ tăng thu nội địa đạt 13,8%, thấp so với 18,6% (2015) và 19,9% (2014); (ii) giá dầu thanh toán bình quân ở mức 39,8 USD/thùng, thấp hơn so với giá xây dựng dự toán (60 USD/thùng) khiến thu dầu thô giảm 44,8%; (iii) thu từ hoạt động SXKD giảm 2,2%.**-** Trong khi đó, chi thường xuyên tăng 5%, chi đầu tư phát triển tăng 4,6%, chi trả nợ và viện trợ tăng 5,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi NSNN (4,9%) chậm hơn tốc độ tăng thu NSNN (6,1%) đã giảm bớt áp lực đối với cân đối ngân sách. Bội chi NSNN lũy kế 6 tháng đầu năm là 85,6 nghìn tỷ đồng, bằng 33,7% dự toán năm.*-* Với tình hình trên, thâm hụt ngân sách năm 2016 có khả năng đảm bảo dự toán 254 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 thấp hơn kế hoạch, giả sử ở mức 6,5% GDP thì tỷ lệ bội chi NSNN so với GDP sẽ vượt dự toán khoảng 0,5% GDP. | **Thu NSNN 6 tháng đầu năm,** **(% so với cùng kỳ)***Nguồn: BTC***Chi NSNN 6 tháng đầu năm, %***Nguồn: BTC* |

1. **THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH** **– TIỀN TỆ**
2. **Thị trường ngoại hối 6 tháng đầu năm 2016**

- Thị trường ngoại hối và tỷ giá VND/USD tương đối ổn định trong 6 tháng đầu năm 2016 do: (i) đồng USD giảm giá đáng kể trên thị trường quốc tế do sự trì hoãn tăng lãi suất của FED và; (ii) nguồn cung ngoại tệ hỗ trợ tích cực đến việc ổn định tỷ giá trong nước (cán cân thanh toán tổng thể quý I/2016 thặng dư; xuất siêu trong 6 tháng đầu năm; FDI giải ngân tăng khá mạnh).

***Dự báo tỷ giá 6 tháng cuối năm 2016***

- Các yếu tố hỗ trợ tỷ giá sẽ không được thuận lợi như trong nửa đầu năm 2016, do: (i) Theo yếu tố mùa vụ, cân đối cung cầu ngoại tệ sẽ tăng cao vào cuối năm do nhu cầu nhập khẩu tăng; (ii) Khả năng Fed sẽ tăng lãi suất một lần vào cuối năm. Khi lãi suất được điều chỉnh, đồng USD sẽ tăng giá trên thị trường quốc tế, gây ảnh hưởng tới tỷ giá VND/USD; (iii) Đồng Nhân dân tệ có nguy cơ tiếp tục mất giá trong 6 tháng cuối năm, một mặt do các yếu tố nội tại kinh tế vĩ mô thiếu tích cực và mặt khác do ảnh hưởng từ việc tăng lãi suất của Mỹ và tỷ giá các đồng tiền trong rổ tiền tệ của Trung Quốc.

1. **Lãi suất**
* ***Lãi suất liên ngân hàng***

- Nhìn chung, thanh khoản của VND từ đầu năm 2016 khá dồi dào[[9]](#footnote-9). Nguyên nhân do nguồn cung khá dư thừa: (i) Huy động tăng cao trong khi tín dụng tăng ở mức tương đương so với cùng kỳ. (ii) NHNN đã mua được một lượng lớn ngoại tệ và bơm một lượng lớn tiền VND ra nền kinh tế.

* ***Lãi suất huy động và cho vay***

- Lãi suất huy động VND kỳ hạn dài tăng nhẹ trong Q1/2016 (tăng 0,1-0,5 điểm % so với cuối năm 2015 và tăng 0,3 – 0,7 điểm % so với cùng kỳ năm 2015) và duy trì khá ổn định trong Q2/2016. Lãi suất cho vay VND Q1/2016 tăng nhẹ ở kỳ hạn dài so với cuối năm 2015 (tăng 0,2 – 0,5 điểm %) và có điều chỉnh giảm tại một số ngân hàng thương mại lớn sau chỉ đạo hỗ trợ doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ.

* Tuy nhiên, từ 14/6/2016 tại một số ngân hàng thương mại nhỏ, lãi suất huy động kỳ hạn dài tăng đến 0,7 điểm % so với cuối năm 2015. Nguyên nhân lãi suất huy động tăng chủ yếu do các NHTM đẩy mạnh huy động vốn trung và dài hạn nhằm cân đối nguồn vốn trước các quy định sửa đổi của Thông tư 06/2016/TT-NHNN[[10]](#footnote-10).
* ***Dự báo lãi suất 6 tháng cuối năm 2016***

- Lãi suất huy động có thể tiếp tục tăng tại một số NHTM CP nhỏ, chưa đáp ứng được các quy định đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, đặc biệt là lãi suất huy động trung và dài hạn.

- Thanh khoản toàn hệ thống ngân hàng hiện đang khá dồi dào sẽ là yếu tố hỗ trợ tích cực cho nhu cầu tín dụng tăng cao vào cuối năm. Phát hành TPCP 6 tháng cuối năm chỉ còn 20% kế hoạch, giúp làm giảm áp lực lên lợi suất TPCP, tạo điều kiện hỗ trợ giảm lãi suất. Ngoài ra, mục tiêu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp vẫn có cơ sở triển khai trong trường hợp không có các cú sốc lớn từ bên ngoài nền kinh tế, đồng thời lạm phát và tỷ giá trong tầm kiểm soát; bên cạnh đó, các NHTM sẽ phải nỗ lực tiết giảm chi phí hoạt động để hỗ trợ chủ trương này.

1. **Thị trường cổ phiếu – trái phiếu**

***3.1******Thị trường cổ phiếu***

Trong tháng 6, chỉ số VN Index chỉ dao động trong vùng 620 điểm – 630 điểm. Mua ròng của khối ngoại đạt 287 tỷ đồng, giảm so với tháng 5 (918 tỷ đồng). Đà tăng của thị trường cổ phiếu chậm lại do giá dầu WTI chưa vượt ngưỡng 50 USD/thùng*.* Thống kê của UBGSTCQG cho thấy độ tương quan rất cao (0,94) giữa giá dầu thô WTI và chỉ số VNIndex từ đầu năm 2016.

|  |  |
| --- | --- |
| Kết quả bỏ phiếu Brexit chỉ tác động tâm lý trong ngắn hạn. Các yếu tố nội tại vẫn hỗ trợ thị trường gồm: chỉ số PMI tháng 5 hồi phục, tâm lý nhà đầu tư tích cực nhờ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ và kỳ vọng kết quả kinh doanh khả quan của các công ty niêm yết. Ngoài ra, giá dầu thô hưởng lợi từ quá trình tái cân bằng thị trường dầu mỏ thế giới trong 6 tháng cuối năm[[11]](#footnote-11) cũng là yếu tố có lợi cho thị trường chứng khoán. | **Mua/bán ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán theo tháng***Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp* |

 ***3.2 Thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP)***

* *Thị trường sơ cấp*

Từ đầu năm đến 22/6, phát hành TPCP qua đấu thầu tại HNX là 182,27 ngàn tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch phát hành năm (220 ngàn tỷ đồng). Như vậy áp lực đối với phát hành TPCP không lớn trong 6 tháng cuối năm.

Kỳ hạn bình quân TPCP phát hành trong nửa đầu năm đạt 6,8 năm, tăng so với năm 2015 (6,1 năm) và năm 2014 (5,24 năm) góp phần giảm bớt áp lực trả nợ.

Nhờ có sự tham gia của các công ty bảo hiểm nhân thọ, nhu cầu đầu tư TPCP kỳ hạn từ 10 năm trở lên, đặc biệt là kỳ hạn 15 năm đã cải thiện. Trong khi đó, sự quan tâm của thị trường đối với TPCP kỳ hạn 3 và 5 năm giảm so với tháng trước.

* *Thị trường thứ cấp*

Giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng 6 vẫn duy trì ở mức 3.200 tỷ đồng/phiên. Nguyên nhân chủ yếu do thanh khoản của hệ thống ngân hàng dồi dào, lãi suất cho vay qua đêm (O/N) giảm từ mức xấp xỉ 2,5% giữa tháng 5/2016 xuống dưới 1,0%/năm cuối tháng 6.

Khối ngoại mua ròng tiếp tục mua ròng hơn 3.014 tỷ đồng từ đầu tháng 6. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại mua ròng 13.204 tỷ đồng TPCP.

**ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**

1. Nguồn Standard & Poor's Down Jone. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thị trường Milan và Madrid đều giảm hơn 12%, và là mức giảm lớn nhất lịch sử. [↑](#footnote-ref-2)
3. Những mặt hàng xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm là: cao su 12,3%; than đá 66,2%; dầu thô 46,6%; gạo 2,7%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Những mặt hàng nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm là: phân bón 20,5%; máy móc thiết bị 5,9%; điện thoại 7%; sản phẩm dầu mỏ 42,1%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tính chung 6 tháng đầu năm, cả nước xuất siêu 1,54 tỷ USD (cùng kỳ năm 2015 nhập siêu gần 3 tỷ USD) bằng 1,87% tổng kim ngạch xuất khẩu. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tính toán dựa trên báo cáo tài chính của từ 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên càn HNX, HSX, Upcom do Stoxplus cung cấp [↑](#footnote-ref-6)
7. Phân tích dựa trên báo cáo tài chính của 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX, HNX và Upcom [↑](#footnote-ref-7)
8. Số liệu lũy kế đến 20/06/2016. [↑](#footnote-ref-8)
9. Thời điểm cuối tháng 5/2016, lãi suất LNH đã giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây (lãi suất O/N: 0,51%/năm). [↑](#footnote-ref-9)
10. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm từ 60% xuống 50% từ 1/1/2017 và xuống 40% từ 1/1/2018, khiến nhu cầu vốn trung và dài hạn tăng lên đáng kể trong bối tín dụng trung dài hạn ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo dự báo của Ủy ban Năng lượng quốc tế (IEA) [↑](#footnote-ref-11)